

Ngày 23 tháng 02 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
<b>Hôm trước chuyển sang</b>					0
<b>Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày</b>			20,181.56	716	14,450,000
<b>Được chi trong ngày</b>					14,450,000
<b>Đã chi trong ngày</b>					14,450,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>1,449,000</b>
1	Dịch vụ thu		0	371	0
2	Dịch vụ thu		4,200	345	1,449,000
3			0	345	0
<b>2. Kho</b>					<b>2,549,644</b>
<b>    Ăn chính</b>					<b>2,549,644</b>
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	32	736,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
<b>3. Đi chợ</b>					<b>10,451,356</b>
<b>    Ăn sáng</b>					<b>3,726,000</b>
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
2	Hành tây	Kg	20,000	5	100,000
3	Nấm rom	Kg	140,000	4	560,000
4	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
5	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
6	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
7	Gừng tươi	Kg	60,000	0.8	48,000
8	Muối iốt	Gói	4,000	1.38	5,500
9	Ngò gai	Kg	50,000	1.5	75,000
10	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
11	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
12	Đùi gà	Kg	120,000	16	1,920,000
13	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
14	Củ cải	Kg	20,000	4	80,000
15	Phở tươi	Kg	20,000	25	500,000
<b>    Ăn chính</b>					<b>6,725,356</b>
1	Cà chua	Kg	30,000	8	240,000
2	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
3	Rau dền	Kg	9,000	4	36,000
4	Tỏi	Chai	150,000	0.8	120,000
5	Dưa hấu	Kg	15,000	9	135,000
6	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.8	90,000
7	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	10	1,300,000
8	Cá thu	Gói	250,000	11	2,750,000
9	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
10	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
11	Muối iốt	Kg	4,000	1.84	7,356
12	Ngò rí	Kg	50,000	1.5	75,000
13	Xương Heo	Kg	120,000	4	480,000
14	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
15	Đu Đủ lõi vàng	Kg	20,000	18	360,000
16	Dưa hấu	Kg	18,000	25	450,000
17	Đường phèn	Kg	35,000	2.2	77,000

18	Đậu đỏ	Kg	60,000	5	300,000
19	Gừng củ	Kg	60,000	0.5	30,000
<b>Chi kho lũy kế từ đầu tháng</b>					14,867,204
<b>Chi chợ lũy kế từ đầu tháng</b>					65,596,996
<b>Suất ăn lũy kế từ đầu tháng</b>					4,425
<b>Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng</b>					89,385,000
<b>Đã chi lũy kế từ đầu tháng</b>					89,385,000
<b>Chênh lệch cuối ngày</b>					

Kế toán



Phạm Thị Ngà



Phó hiệu trưởng



Phan Thị Hồng Huế